

## VỀ ĐÌNH LÀNG THẾ KỶ XVII - XVIII Ở GIA LÂM, HÀ NỘI

BÙI THẾ QUÂN\*

### TÓM TẮT

*Từ thực tế khảo sát các ngôi đình tại huyện Gia Lâm và một số ngôi đình khác, tác giả bàn tới lý do xã hội cơ bản để xuất hiện đình làng - Sau đó, đề cập tới ý nghĩa chung của Thành hoàng làng, sự tương đồng và khác nhau trong kiến trúc, điêu khắc của những ngôi đình thuộc thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm.*

**Từ khóa:** đình làng; kết cấu; điêu khắc.

### ABSTRACT

*From the survey of communal houses in Gia Lâm district and other, the author discusses the social reason of communal houses establishment, and then the common meanings of communal gods, the similarities and differences in architecture, sculpture of these communal houses in 17th and 18th centuries in Gia Lâm district.*

**Key words:** communal house; architecture; sculpture.

Qua khảo sát về đình làng ở Gia Lâm, ngoài 5 ngôi đình tiêu biểu, như đình Xuân Dục (Yên Thường), đình Thanh Am (Thượng Thanh), đình Tình Quang (Giang Biên), đình Trần Tảo (Phú Thị), đình Công Đình (Đình Xuyên) thì còn khá nhiều đình được dựng từ thế kỷ XVII - XVIII, trong đó phải kể đến đình Ninh Giang (xã Ninh Hiệp) - Đình vẫn giữ được gần như nguyên vẹn kết cấu kiến trúc lúc khởi dựng, với những mảng chạm khắc tinh tế. Bên cạnh đó có những ngôi đình tuy đã bị thay thế cấu kiện nhưng về dáng vẻ kiến trúc vẫn mang phong cách lúc khởi dựng, như đình Ngọc Động, đình Thuận Tốn (Đa Tốn), đình To Khê (Phú Thị), đình Chử Xá (Văn Đức), đình Tế Xuyên (Đình Xuyên), đình Thổ Khối (Cự Khối), đình Giao Tự (Kim Sơn)... Ngoài ra, nhiều ngôi đình đã được tu sửa, không còn giữ được dáng vẻ kiến trúc như lúc khởi dựng, với 4 góc mái đao cong, mà thay vào đó là kiến trúc kiểu "tường hồi bít đốc" nhưng vẫn còn lưu lại một số mảng chạm khắc lúc khởi dựng, như đình Ngô (Thạch Bàn), đình Lệ Mật (Việt Hưng), đình Dương Đình (Dương Xá)... Tuy nhiên, cũng có đình chỉ còn dấu tích thành phần kiến trúc, như giếng đình hoặc thông qua tư liệu bia ký, hình ảnh..., là căn cứ xác định thời gian khởi dựng từ thế kỷ XVII - XVIII, như đình Thượng Cát (Thượng

Thanh), đình Sài Đồng, đình Mai Phúc (Phúc Đồng), đình Cự Linh (Thạch Bàn), đình Đông Dư Hạ (Đông Dư)... và một số ngôi đình khác nữa.

Do có sự tương đồng và khác biệt về mặt bằng kiến trúc, kết cấu bộ khung kiến trúc và điêu khắc trang trí kiến trúc giữa các đình làng ở Gia Lâm, trước hết là vấn đề lịch sử, chính trị và bước đi của tôn giáo, tín ngưỡng (thế kỷ XVII là giai đoạn lịch sử Trịnh - Nguyễn phân tranh, với những cuộc nội chiến nổi da nấu thịt). Đó là điều cơ bản dẫn đến khủng hoảng lòng tin vào Nho giáo, ít nhiều đã phá vỡ trật tự cố hữu ở nông thôn. Mặt khác, chính lòng tin vào đạo Phật cũng đã bị khủng hoảng, mà chúng ta thấy manh nha từ thời Lý (hiện tượng vật chất hóa ngôi chùa và kiếp tu thông qua việc công đức lớn của tầng lớp trên). Hiện tượng này (về tư tưởng) như là sự khoán ước với thần linh, khiến cho nhận thức đạo đức của nhà Phật cũng như nhận thức về Phật triết bị bào mòn. Trước khi có sự thâm nhập của các luồng tư tưởng từ Âu - Tây, ở các nước phương Đông (trong đó có Việt Nam), hệ tư tưởng chính thống nếu không dựa vào Phật giáo thì dựa vào Nho giáo. Chính từ vòng luẩn quẩn đó, khi lòng tin vào cả hai hệ tư tưởng này bị khủng hoảng thì Nho - Phật như dung hội để chi phối tư tưởng của xã hội. Thực tế lịch sử đã cho thấy, mở đầu hiện tượng này ngay từ phái Thảo Đường (thời Lý Thánh Tông). Đó là một Phật phái đem nhà Nho đến với

\* Phòng Văn hóa Thông tin quận Long Biên

Phật đài. Tiền lệ ấy phát triển ở nhà Trần, với xu thế Nho giáo và địa vị của Nho sĩ ngày càng cao - Vua Trần Nghệ Tông đã phải kêu lên: “Bọn học trò mặt trắng không theo truyền thống của tổ tông mà cái gì cũng theo phương Bắc cả” (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Cho tới khi cuộc đại khủng hoảng hệ chính trị xã hội dưới thời Mạc khiến một số nhà Nho cũng phải đi vào con đường “Vô vi” của Đạo Lão để tìm cân bằng cho tư tưởng, mà điển hình là Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hàng... Hiện tượng này như một báo hiệu cho lòng tin vào cả Phật giáo và Nho giáo đều khủng hoảng. Ngôi chùa ở nông thôn dần dần chỉ là nơi đáp ứng yêu cầu tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu của nữ giới. Trong khi đó, ngôi đình làng như chúng ta đã biết thì manh nha từ thời Lê sơ, định hình ở thế kỷ XVI (thực tế mới chỉ tìm được dấu tích khoảng dưới 10 ngôi) - Chính do đình làng thích hợp với tính chất “Uống nước nhớ nguồn”, một hiện tượng mở rộng của tục thờ cúng tổ tiên, đã được người Việt, mà đặc biệt là giới đàn ông ở nông thôn và tầng lớp Nho sĩ cấp thấp hội tâm, hội lực thúc đẩy lên đến đỉnh cao để phát triển rực rỡ vào cuối thế kỷ XVII. Cái chung của đình làng là nó trở về với cốt lõi của tâm hồn Việt, đi tìm lấy bản sắc dân tộc, không bị lệ thuộc vào bất kể một hệ thống tôn giáo du nhập nào. Chính các ngôi đình ở Gia Lâm đã cơ bản nằm trong giai đoạn rực rỡ này. Nó đã phản ánh tính chất thờ Thành hoàng làng là ông tổ của cộng đồng làng xã. Nó được chạm khắc nhiều đề tài mang tính biểu tượng, phản ánh ước vọng muôn đời, muôn thuở của người nông dân Việt. Đó là ước vọng được mùa trên nền tảng đề cao trí tuệ. Từ đó ta thấy, một điểm chung khác, là Thành hoàng làng không phải là những đấng cao viễn mà đã như là một người “cha” tinh thần chung của cộng đồng, dù cho có sự tham gia của Nho sĩ và tầng lớp chính quyền để “Ngài” trở thành ông vua tinh thần của làng xã. Hiện tượng này vừa phù hợp với tinh thần đề cao Thành hoàng làng của quần chúng vừa phù hợp với yêu cầu “hiện diện về mặt tinh thần” của nhà vua trong chính thể quân chủ chuyên chế. Do vậy “Ngài” được ban nhiều sắc phong của triều đình. Với tư cách ấy, “Ngài” có tính chất hai mang, vừa đại diện cho dân để quan hệ với trời đất, vừa như đại diện cho tầng lớp trên để giữ sự ổn định cho chính thể đương thời. Song, người Việt chưa đẩy “Ngài” lên thành đấng cao viễn ở tầng trời mà nhìn xuống để ban ân huệ như lễ thường của các

thần linh thuộc tôn giáo khác. “Ngài” gần gũi và chưa xa lìa thế gian, vẫn còn là biểu hiện về tư tưởng “Hòa” của người Việt, nên kiến trúc đình liên quan, dù cho các góc đao của mái đình thế kỷ XVII có cong lên như muốn kéo cả ngôi đình bay lên (một biểu hiện cụ thể ở đình Chu Quyến, với 4 đầu kẻ góc đao đình đã được chạm thành phượng để tạo sự bay lên cho kiến trúc này). Dù có to nhất trong kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng ở nông thôn xưa thì đình cũng chưa có xu hướng vươn lên theo chiều cao, mà trước sự mê mông của đồng ruộng, sân đình, ta vẫn cảm nhận như nó bị hút xuống đất. Đình làng Việt, nhất là ở cuối thế kỷ XVII là những sản phẩm riêng Việt, hầu như không có ở bất kể không gian phi Việt nào, dù cho nói chung đình đã xuất hiện rất sớm nhưng đình làng lại là sản phẩm của xã hội, lịch sử riêng Việt, mang tâm hồn Việt, ước vọng Việt.

Một đặc điểm chung khác, là đình ít có tượng vì Thành hoàng làng là một thực thể được hình thành bởi tư duy trừu tượng dân dã. Nhiều khi không phải là những vị thần cụ thể đã từng sống ở trên đời được thiêng hóa. Bởi vậy, chính bài vị là một biểu tượng như hình tượng thánh thần, nhất là với Thành hoàng làng.

## 1. Tính tương đồng giữa các đình làng thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm

### 1.1. Về mặt bằng kiến trúc

Khởi đầu, các ngôi đình thường được dựng theo kiểu chữ “Nhất”, chủ yếu đến thời Nguyễn (thế kỷ XIX - XX) mới bổ sung dần các hạng mục khác, như phương đình, hậu cung, tả - hữu vu... để trở nên tương đồng về mặt bằng kiến trúc với các ngôi đình cùng thời ở nơi khác. Như vậy, có thể tin rằng, khởi đầu những ngôi đình làng là “ngôi nhà chung” của cộng đồng.

Phía trước đình bao giờ cũng có ao hoặc đoạn sót của dòng chảy (tự nhiên) hoặc hồ (giếng) bán nguyệt do con người đào, tạo không gian ngôi đình có tính chất âm dương đối đãi. Khi đình được bổ sung thêm tả - hữu vu, hậu cung, mặt bằng kiến trúc tổng thể của đình như một biểu tượng của hồ phù đang “nhả” mặt trăng. Hiện tượng bổ sung này do nhiều nguyên nhân khác nhau. Thứ nhất là do muốn thâm nghiêm hóa thần linh, người ta không mấy quan tâm đến yếu nghĩa sâu xa về nguồn gốc của nó là “ngôi nhà chung” của cộng đồng, mà chú trọng nhiều đến cầu cúng, nên về mặt tâm linh đã phần nào “chuyển chức năng”



Trang trí trên cốn tòa đại đình của đình Trần Tảo (Gia Lâm, Hà Nội) - Ảnh: Tác giả

đình thành đền, nhiều nơi đình còn có cả cung ngoài và cung trong (như ở đình Thổ Khối, đình Lê Mật, thuộc quận Long Biên và nhiều ngôi đình khác trong vùng). Thứ hai là do tính kế thừa truyền thống đã bị hạn chế và trong hoàn cảnh nguồn nguyên liệu (gỗ lớn) tại chỗ bị hạn hẹp, không có điều kiện làm lớn với các góc đao cong. Thứ ba là có khả năng dân số tăng (tăng số đình) và bổ sung thêm chức năng khác của đình.

### 1.2. Về kết cấu bộ khung kiến trúc

Kết cấu khung chịu lực bằng gỗ của các đình làng thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm được hình thành trên cơ sở các cột, các bộ vì và các cấu kiện khác (xà dọc, xà đai) liên kết các bộ vì lại với nhau.

Khởi đầu, các vì nóc thường được làm theo cùng một kiểu thức có tên dân gian là vì "giá chiêng", như đình Xuân Dục, đình Ninh Giang, đình Trần Tảo, đình Thanh Am. Trong quá trình tu bổ, một số đình đã thay thế vì nóc theo kiểu thức "vì kèo trụ trốn" bào trơn đóng bén, tất cả đều là ván xẻ, với hệ thống trụ trốn (một lớn hai nhỏ) có đòn tay kết nối, như đình Công Đình, đình Tinh Quang là ví dụ điển hình. Các cấu kiện của vì nóc, gồm phía trên là con rường cong, cũng gọi là rường bụng lợn đỡ lấy thượng lương thông qua đầu hình thuyền và được đặt trên hai cột trốn thông qua đầu vuông thót đáy. Cột trốn đứng chân trên cầu

đầu. Hai bên cột trốn là 2 con rường kê lên nhau, đều vươn đầu ra đỡ hoành.

Mỗi bộ vì bao giờ cũng có một cặp cột cái, với kích thước cao lớn, liên kết lại bằng xà quá giang hay câu đầu có mặt bên bào soi kiểu vỏ măng. Hai đầu câu đầu là nơi gác hai hoành mái và ăn mộng vào đầu cột cái.

Các bộ vì nách được làm theo cùng một kiểu thức, có tên dân gian là cốn chống rường, cốn tì lực trên xà nách. Chiếc xà nách ăn mộng qua thân cột cái và tì lực lên đầu cột quân.

Liên kết đỡ mái hiên là hệ thống "bẩy" hoặc "kê". Các kê khá dài, hai đầu kê được đóng mộng sập vào đầu cột quân và đầu cột hiên. Đuôi kê ở trong cột quân gọi là "nghe", đầu phía ngoài cột hiên là đầu kê được làm cong dạng cổ ngỗng. Phía trên là ván dong để đỡ các hoành mái.

Liên kết các bộ vì của các đình làng thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm là các xà đai/dọc tạo thành một khung chịu lực, bao gồm xà thượng (ăn mộng ở đầu các cột cái) và các xà hạ (ăn mộng ở đầu cột quân), dầm sạp gỗ cũng là những cấu kiện có tác dụng liên kết, cố định các chân cột, làm bộ khung gỗ chịu lực thêm vững chãi.

Một số đình làng của thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm vẫn giữ được một cấu kiện có tên gọi là "cánh gà". Cấu kiện này ở vị trí đội dưới xà thượng và xà

hạ. Trên các cánh gà đều được chạm khắc, nhiều khi gây cảm giác đây chỉ là một bộ phận trang trí. Thực chất, đây nhiều khi còn là một cấu kiện chịu lực. Các cánh gà thường là các thân gỗ nhỏ, đầu đội nhau, ăn mộng vào thân cột, vươn ra hai bên để đỡ dạp các xà dọc. Cùng gắn ở đầu cột còn có hệ thống ván gió.

Kiến trúc đình làng vốn xưa có tính chất mở, xung quanh hàng cột ngoài cùng không có cửa, cũng không có các ván đố quây lại, mà chỉ có các lan can của sạp gỗ. Đến nay, trên thân hàng cột này vẫn còn các dấu mộng của lan can đó.

Hệ thống ván gió có hai lớp, một lớp nong dọc theo xà hạ, trên đầu các cột quân, lớp thứ hai ở xà thượng, trên đầu các cột cái. Tận dụng độ dày của các tấm ván này, người xưa đã chạm khắc trên đó nhiều đề tài đậm chất nghệ thuật. Hiện nay, chỉ đình Xuân Dục, đình Công Đình còn ván gió hậu được trang trí lưỡng long châu mặt trời. Về sau, ván gió chỉ để trơn hoặc có đình không còn ván gió.

### 1.3. Về điều khắc trang trí kiến trúc

Nhiều ngôi đình còn tồn tại đến ngày nay, thì hầu như các vì nóc đã được thay thế vào thời Nguyễn và giai đoạn gần đây, với kiểu thức "vì kèo trụ trốn" bào trơn đóng bén, thường là ván xẻ, hiếm có trang trí. Một số vì nóc làm lại theo kiểu "chồng rường", kiểu "giá chiêng" nhưng trang trí cũng đơn giản, với hình lá cúc lật, cụm vân xoắn ở đầu các con rường.

Hầu hết các cột đều có trang trí, thường được chạm lõng, bong kênh, với các cảnh sinh hoạt, như múa hát, hình tượng người, "tiên cưỡi rồng", hình tượng các con thú: hươu, chim, chồn, cá. Hình tượng chủ đạo là rồng, với các tư thế khác nhau. Trên cột ván mê được thay thế vào đợt tu bổ về sau dưới thời Nguyễn, với đề tài chủ yếu là rồng, rồng ổ, tứ linh (long, ly, quy, phượng), tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai) và bát vật (long, ly, quy, phượng, tôm, cá, chim, sóc...), kèm theo là sóng nước, mây, đao.

## 2. Tính khác biệt giữa các đình làng thế kỷ XVII - XVIII ở Gia Lâm

Xuất phát từ đặc tính dân gian, ngoài cái chung cơ bản, mỗi đình làng còn có cái riêng do lệ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế và nhận thức của từng làng xã nên đã có đình to, đình nhỏ khác nhau. Những làng thuận tiện việc tiếp cận với đường sông, đường bộ và thị trấn (nhất cận thị, nhị cận giang) thì đình có nhiều hoạt cảnh hơn và lễ hội sầm uất hơn ở các đình làng thuần nông,

dù cho giá trị biểu tượng chung vẫn chưa vượt ra ngoài tư duy nông nghiệp. Các làng thuần nông khó có đủ kinh phí cho việc xây dựng đình làng và tổ chức lễ hội lớn.

Một điểm khác nữa, là khởi đầu đình làng không có tường bao, mà chủ yếu chỉ có gác thờ lửng, hậu cung kiểu chuôi vó còn ít thấy được xuất hiện từ thế kỷ XVII trở về trước. Giai đoạn phát triển đỉnh cao của đình làng dần qua đi, với sự kiêm tính ruộng đất của địa chủ, khiến kinh tế của cộng đồng làng xã bị co hẹp, nên nhiều đình làng được xây dựng đã cần phải có sự hỗ trợ của tư nhân. Gắn với Gia Lâm, tại Từ Sơn có đình Đình Bảng (1736), với sự tham gia của Nguyễn Thạc Lượng, rồi đình Đồng Kỵ cũng tương tự. Tuy nhiên, những biểu tượng sâu xa gắn với ước vọng hồn nhiên của nông nghiệp đã bị hạn chế rất nhiều, mà chỉ tập trung đề cao những biểu tượng như được quy định. Và, từ đây, ngôi đình đã ít nhiều mang tính chất của ngôi đền nặng ý thức thờ cúng, mà sinh hoạt cộng đồng bị hạn chế dần, dẫn tới nhiều hậu cung kiểu chuôi vó nảy nở, việc tế lễ kiểu "Hương đảng tiểu triều đình" dần định hình và phát triển. Ý thức khác biệt ấy còn ảnh hưởng đến cả cấu trúc, như bung kín để tạo sự thâm nghiêm hoặc nảy sinh kiến trúc đình dạng "tường hồi bít đốc". Một kiến trúc lớn bề thế, uy nghi riêng Việt mang trong mình nhiều biến đổi theo dòng trôi chảy của lịch sử./.

B.T.Q

### Tài liệu tham khảo:

- 1- Phương Anh - Thanh Hương (1973, 1976), *Hà Bắc ngàn năm văn hiến*, tập 1 và 2, Ty Văn hóa Hà Bắc.
- 2- Trần Lâm Biền (1983), "Quanh ngôi đình làng - lịch sử", *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, (4), tr. 38 - 43.
- 3- Trần Lâm Biền, Hồng Kiên (1996), "Đình Tây Đằng", *Tạp chí Kiến trúc*, (6), tr. 39 - 45.
- 4- Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong Mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb. Mỹ thuật, H.
- 5- Nguyễn Văn Cương (2002), "Mỹ thuật đình làng ở đồng bằng Bắc Bộ - Một di sản văn hóa dân tộc đặc sắc", *Luận án tiến sĩ lịch sử văn hoá nghệ thuật*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
- 6- Ngô Sỹ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch, tập 1 và 2, Nxb. Văn hóa Thông tin, H.
- 7- Trần Mạnh Phú (1970), *Tạo hình cổ của dân tộc ta*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.
- 8- Chu Quang Trứ (2002), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, tập 1, Nxb. Mỹ thuật, H.
- 9- Trịnh Cao Tường (1982), "Kiến trúc đình làng - hình tượng", *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, số 2, tr. 62 - 65.
- 10- Thái Bá Vân (1997), *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Nxb. Bản đồ, H. (Ngày nhận bài: 09/10/2015; Ngày phản biện đánh giá: 24/10/2015; Ngày duyệt đăng bài: 05/11/2015).